

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NIÊN ĐỘ 2020 – 2021

(Tháng 07 năm 2021)



MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN HIPT	3
1. Giới thiệu công ty.....	3
2. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động	3
3. Định hướng phát triển.....	3
4. Mô hình tổ chức	4
5. Bộ máy quản lý	4
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	5
1. Hoạt động kinh doanh	5
2. Hoạt động quản trị vận hành.....	7
3. Tình hình tài chính	8
4. Cơ cấu cổ đông.....	10
III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	11
1. Đánh giá về kết quả hoạt động năm 2020-2021.....	11
IV. TRÍCH LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2020-2021 (tài liệu kèm theo)	11

I. TỔNG QUAN HIPT

1. Giới thiệu công ty

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
- Tên tiếng Anh: HIPT Group Joint Stock Company
- Tên viết tắt: HIPT Group JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100364579
- Mã chứng khoán: HIG – Sàn giao dịch UpCom
- Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 3847 4548
- Vốn điều lệ: 225.590.300.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 328.767.737.293 VNĐ
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (HIPT) được Thành lập vào ngày 18/06/1994 với tên gọi đầu tiên là Công ty TNHH Hỗ trợ Phát triển Tin học và được đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT vào năm 2006. Sự ra đời của HIPT có quan hệ mật thiết với những tên tuổi lớn trong ngành công nghệ trong nước và thế giới như Hewlett-Packard (HP) và Tập đoàn FPT (FPT). Với hơn 26 năm phát triển, HIPT hiện nay là một trong những Công ty Công nghệ hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực Tích hợp Hệ thống.

2. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Lĩnh vực hoạt động:

- Cung cấp giải pháp công nghệ thông tin: Tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm, cung cấp thiết bị tin học.
- Cung cấp dịch vụ CNTT: Đào tạo và chuyên gia công nghệ; Bảo trì thiết bị Công nghệ thông tin.

b. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu:** Xây dựng công ty thành một tập đoàn kinh tế hùng mạnh, trở thành một trong những công ty cung cấp giải pháp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực tích hợp hệ thống và xây dựng, triển khai các hệ thống tin tổng thể cho Cơ sở dữ liệu lớn.

- **Thị trường - Sản phẩm – dịch vụ:** HiPT không ngừng nỗ lực mở rộng thị trường rộng khắp, mang lại dịch vụ và sản phẩm cho hầu hết khách hàng ở các mảng thị trường tài chính công, chính phủ, ngân hàng, bảo hiểm, doanh nghiệp, giáo dục, y tế, viễn thông...

- **Quản trị doanh nghiệp**

○ **Tổ chức vận hành:** Tinh giản mô hình tổ chức, nâng cao năng suất lao động, phát triển lực lượng lao động Công nghệ thông tin có trình độ chuyên môn cao và đội ngũ kinh doanh mạnh mẽ.

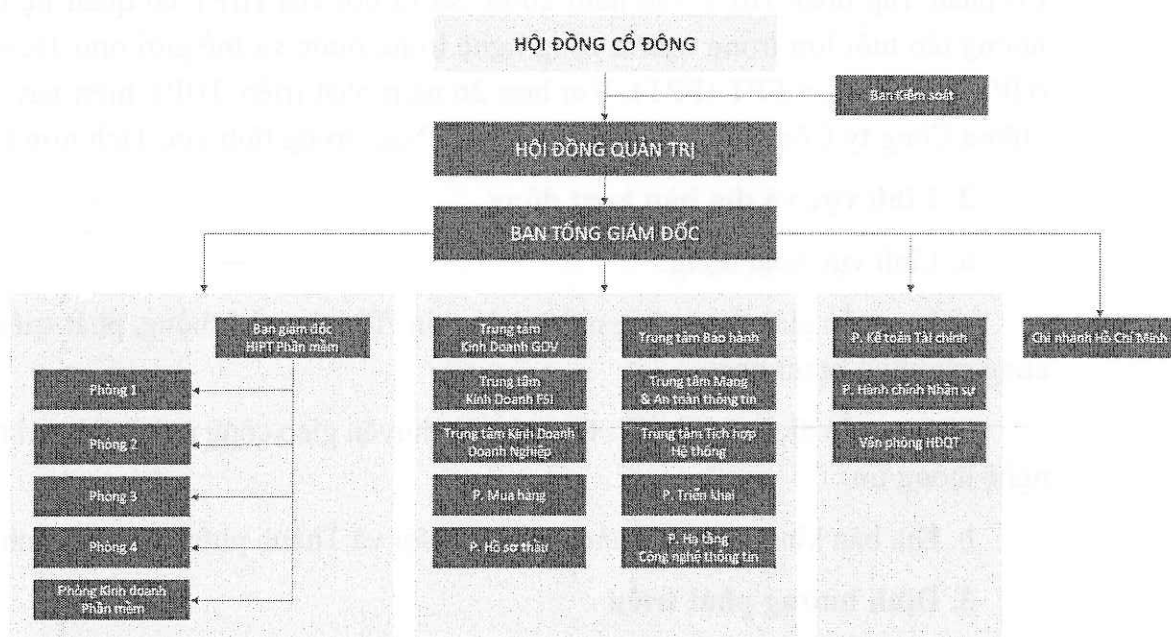
○ **Quản lý tài chính:** Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp, tăng cường cắt giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận, tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản doanh nghiệp.

○ **Quản lý đầu tư:** Tăng cường giám sát hiệu quả các dự án đầu tư.

4. Mô hình tổ chức

Mô hình tổ chức năm 2020-2021 không thay đổi so với năm 2019-2020. Một thay đổi vào cuối năm tài chính 2019-2020 là việc thành lập hai Trung tâm kinh doanh mới. Các Trung tâm kinh doanh này được lãnh đạo bởi các nhân sự trẻ, chủ chốt của Công ty. Tới hiện tại, thay đổi này mang tới những hiệu quả tích cực. Tính chủ động trong hoạt động của nhân sự của các Trung tâm kinh doanh được nâng cao.

Việc tái cấu trúc khối phát triển Phần mềm (Công ty TNHH HiPT Phần mềm), nhằm thúc đẩy phát triển các dự án Phần mềm mới đồng thời tập trung nguồn lực, hoàn thành những dự án Phần mềm trọng điểm, đã mang lại hiệu quả tích cực. Một số dự án phức tạp, kéo dài trong quá khứ đã được hoàn thành nhờ vào việc tái cấu trúc mạnh mẽ này



5. Bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên:

- Ông Lê Hải Đoàn - Chủ tịch HĐQT (ngừng CTHĐQT từ 01/04/2021)
- Ông Võ Văn Mai - Ủy viên HĐQT
- Ông Vladislavs Savkins - Ủy viên HĐQT
- Ông David Đỗ - Ủy viên HĐQT

- Bà Lê Thị Thanh Châu - Ủy viên HĐQT
- Ông Đặng Minh Đức - Ủy viên HĐQT
- Ông Phan Như Long - Ủy viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT trong năm tài chính 2020-2021 (bắt đầu từ 01/04/2020 và kết thúc vào 31/03/2021) gồm 4 thành viên:

- Ông Võ Văn Mai - Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Thanh Phúc - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đặng Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Thành - Phó Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT hiện nay (tới thời điểm của báo cáo) bao gồm 6 thành viên:

- Ông Lê Hải Đoàn - Tổng Giám đốc (từ 01/04/2021)
- Ông Hoàng Thanh Phúc - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Thành - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Phúc Giang - Phó Tổng Giám đốc (từ 15/04/2021)
- Ông Trần Thanh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc (từ 15/04/2021)
- Ông Phạm Nguyễn Cao Đăng - Phó Tổng Giám đốc (từ 17/05/2021)

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Xuân - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Ủy viên
- Ông Nguyễn Minh Đức - Ủy viên

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Hoạt động kinh doanh

1.1. Kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2020-2021	Niên độ 2019-2020
1	Doanh thu thuần	640,5	478,4
2	Lãi gộp	17,8	61,7
3	Lợi nhuận sau thuế	1,4	1,9

Trong bối cảnh thị trường có nhiều bất lợi do dịch bệnh COVID-19, Công ty đã nỗ lực để duy trì mức doanh thu và lợi nhuận hoạt động tương đồng với năm 2019-2020. Năm 2021 có sự sụt giảm trong lợi nhuận chủ yếu là do Công ty đã trích lập dự phòng cho một dự án trong quá khứ. Đây là điều cần thiết để đảm bảo tính an toàn trong hoạt động của Công ty trong tương lai.

1.2. Hoạt động kinh doanh

Trong niên độ tài chính 2021-2022, HiPT tiếp tục tập trung vào lĩnh vực Cung cấp giải pháp CNTT, và giải pháp Phần mềm HiPT. Bằng kinh nghiệm và chất lượng sản phẩm, dịch vụ, HiPT luôn nhận được sự tin tưởng của nhiều khách hàng, đối tác lớn.

Năm vừa qua, HiPT đã ký kết, đồng thời hoàn thành nhiều dự án có giá trị lớn. Những dự án nổi bật có thể kể tới là các dự án tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức, trường Đại học Việt Đức, Kiểm toán Nhà nước, Trung tâm Internet Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam... Những dự án kể trên đều có hàm lượng kỹ thuật và tính phức tạp cao đã tiếp tục khẳng định tên tuổi của HiPT như một trong những nhà cung ứng giải pháp tích hợp hệ thống tốt nhất Việt Nam hiện nay.

Một số dự án kéo dài như các dự án tại Kiểm toán Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước đã được hoàn thành đúng theo kế hoạch được đề ra từ đầu năm tài chính.

Một trong những điểm tích cực nổi bật của năm tài chính 2020-2021 là số lượng khá lớn của các hợp đồng, dự án có giá trị trung bình. Những dự án này có thời gian triển khai ngắn, hoàn thành ngay trong năm tài chính. Đây là một trong những điểm giúp cải thiện tốt hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, việc trở thành đối tác quen thuộc của nhiều khách hàng trung và lớn giúp Công ty xác lập được một nguồn doanh thu tương đối ổn định trong thời gian tới.

Mảng khách hàng vừa và nhỏ tiếp tục được mở rộng. Mặc dù lợi nhuận của mảng khách hàng này không lớn, tuy nhiên, doanh số thường xuyên, ổn định và khá tốt của mảng khách hàng này giúp Công ty đảm bảo được sự ổn định của nhân sự và tạo ra được một hình ảnh tốt đối với các hãng công nghệ lớn. Tập khách hàng vừa và nhỏ có số lượng khá lớn cũng là điều kiện tốt để Công ty có thể triển khai cung cấp các dịch vụ mới trong tương lai.

Trong năm 2020-2021, một số dịch vụ/sản phẩm phần mềm được nghiên cứu trong thời gian qua của Công ty đã được cung cấp cho nhiều khách hàng thuộc các cơ quan Nhà nước tại địa phương. Các sản phẩm thuộc thế mạnh của Công ty như phần mềm cơ sở dữ liệu, phần mềm thống kê, phần mềm mô hình kinh tế lượng... được nhiều khách hàng đón nhận và đánh giá cao. Mặc dù giá trị cung cấp của các dịch vụ/sản phẩm này không lớn, tuy nhiên thời gian triển khai nhanh và khả năng tái sử dụng các nguồn lực đã tạo ra biên lợi nhuận khá tốt cho Công ty. Đây là bước đệm để các dịch vụ Phần mềm tiếp tục được phát triển và đến với nhiều khách hàng hơn.

Bên cạnh những mặt tích cực, mảng dự án 2020-2021 còn một số điểm tồn tại và cần khắc phục trong năm tài chính tiếp theo. Một số dự án kéo dài, tiêu tốn nguồn lực nội bộ và tạo rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chưa được hoàn thành. Một số dự án lớn, được kỳ vọng lớn nhưng Công ty không được tham gia triển khai do một số yếu tố khách quan.

Ban Điều hành của Công ty nhận thấy lĩnh vực dịch vụ Tích hợp Hệ thống Công nghệ thông tin ngày càng gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt, tỷ suất lợi nhuận của các dự án công nghệ thông tin dần suy giảm nên đã tích cực tìm kiếm những lĩnh vực kinh doanh mới, nhằm xây dựng một định hướng mới, tạo hiệu quả kinh doanh lâu dài cho Công ty và cũng góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty trên thị trường Công nghệ thông tin trong nước. Tuy nhiên, các hoạt động này phần lớn đang chỉ nằm ở định hướng và nghiên cứu, chưa đưa ra được kết quả cụ thể.



1.3. Quan hệ đối tác

Do ảnh hưởng của Đại dịch COVID 19, các chương trình sự kiện không còn được tổ chức nhiều như trong năm 2019-2020. Tuy nhiên, các hoạt động phối hợp, đặc biệt là hoạt động đào tạo, giới thiệu giải pháp vẫn tiếp tục được triển khai theo hình thức trực tuyến. Năm 2020-2021, Công ty đạt được nhiều giải thưởng và chứng nhận từ các hãng công nghệ lớn trên thế giới như: Dell Technologies, Aruba, HP, Cisco, Samsung...

2. Hoạt động quản trị vận hành

2.1. Tổ chức – vận hành

Trong năm 2020-2021, cơ cấu tổ chức của HIPT hầu như không thay đổi. Một thay đổi trong tổ chức là việc thành lập hai Trung tâm kinh doanh mới. Các Trung tâm kinh doanh này được lãnh đạo bởi các nhân sự trẻ, chủ chốt của Công ty. Tới hiện tại, thay đổi này mang tới những hiệu quả tích cực. Tính chủ động trong hoạt động của nhân sự của các Trung tâm kinh doanh được nâng cao.

Việc tái cấu trúc khôi phục triển Phần mềm (Công ty TNHH HIPT Phần mềm), nhằm thúc đẩy phát triển các dự án Phần mềm mới đồng thời tập trung nguồn lực, hoàn thành những dự án Phần mềm trọng điểm, đã mang lại hiệu quả tích cực. Một số dự án phức tạp, kéo dài trong quá khứ đã được hoàn thành nhờ vào việc tái cấu trúc mạnh mẽ này.

2.2. Nhân sự

Số lượng nhân sự tại thời điểm 31/03/2021 là 145, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2020. Việc giảm số lượng nhân sự chủ yếu có nguyên nhân từ việc kết thúc một số dự án của Công ty. Phần lớn các nhân sự chủ chốt của dự án vẫn tiếp tục làm việc, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các phát triển trong tương lai của Công ty.

2.3. Quản lý tài chính

HiPT đảm bảo năng lực tài chính tốt, đáp ứng tốt mọi yêu cầu của các dự án lớn mà Công ty tham gia. Ngoài ra, chất lượng nợ của khách hàng ngày càng được cải thiện. Các khoản nợ lâu dài đều được trích lập dự phòng. Trong một số trường hợp, Công ty đã quyết liệt đưa vụ việc tới cơ quan chức năng có thẩm quyền nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty và đạt được kết quả tốt.

HiPT đưa việc kiểm soát dòng tiền dự án thành một trọng tâm quản lý trong những năm gần đây. Đây là một trong những nội dung tiên quyết được xét tới để đánh giá hiệu quả dự án và kết quả làm việc của nhân sự. Đây là một trong những lý do khiến HIPT có được dòng tiền dồi dào và các chỉ số thanh toán ở mức an toàn cao.

HiPT Tiếp tục duy trì và phát huy hệ thống tài chính kế toán chuẩn mực, tuân thủ theo pháp luật và được kiểm toán theo các tiêu chuẩn quốc tế bởi các đơn vị kiểm toán chuyên nghiệp.

Giữ vững uy tín và xếp hạng tín nhiệm với các ngân hàng đang hợp tác, sử dụng hiệu quả nguồn vay.

Áp dụng hiệu quả các ứng dụng CNTT trong hoạt động như sử dụng chữ ký điện tử, ngân hàng điện tử, kê khai thuế, hải quan qua mạng internet.

2.4. Hoạt động thương hiệu, truyền thông

Các hoạt động truyền thông, hoạt động văn hóa nội bộ trong HiPT tiếp tục được duy trì.

Năm 2020, HIPT tiếp tục là một trong 10 Công ty công nghệ uy tín nhất Việt Nam do VNR khảo sát và bầu chọn.

3. Tình hình tài chính

Các hệ số tài chính	Công thức áp dụng	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Biến động		Ghi chú
				Giá trị	%	
<u>Hệ số thanh toán</u>						[1]
Hệ số thanh toán hiện hành	<i>TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	2.38	2.58	(0.21)	(7.98%)	
Hệ số thanh toán nhanh	<i>(TS ngắn hạn - HTK)/ Nợ ngắn hạn</i>	2.21	2.21	(0.00)	(0.11%)	

Các hệ số tài chính	Công thức áp dụng	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Biến động		Ghi chú
				Giá trị	%	
Hệ số thanh toán bằng tiền	<i>Tiền/ Nợ ngắn hạn</i>	0.86	0.80	0.07	8.23%	
<u>Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động</u>						[2]
Vòng quay các khoản phải thu	<i>Doanh thu/ Phải thu KH</i>	4.68	4.81	(0.13)	(2.74%)	
Vòng quay hàng tồn kho	<i>Giá vốn hàng bán/ HTK</i>	18.18	6.16	12.02	195.32%	
Vòng quay vốn lưu động	<i>Doanh thu/ (TS ngắn hạn - Nợ NH)</i>	2.31	1.67	0.64	38.54%	
<u>Hệ số khả năng sinh lời</u>						[3]
Tỷ suất lợi nhuận gộp	<i>Lãi gộp/ Doanh thu thuần</i>	0.03	0.13	(0.10)	(78.39%)	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	<i>Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần</i>	0.00	0.01	(0.01)	(76.19%)	
Doanh thu trên tổng tài sản	<i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản</i>	1.26	0.93	0.33	35.28%	
Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	<i>(LN trước thuế + chi phí lãi vay)/ tài sản</i>	0.02	0.02	0.01	53.70%	
Tỷ suất sinh lời trên vốn CSH (ROE)	<i>(LN trước thuế cho CĐ thường/vốn CSH thường)</i>	0.06	0.04	0.02	56.85%	
<u>Hệ số nợ</u>						[4]
Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	<i>Nợ dài hạn/ Vốn CSH</i>	0.16%	0.68%	-0.51%	-75.85%	
Tổng nợ trên vốn chủ sở hữu	<i>Nợ phải trả/ Vốn CSH</i>	65.95%	56.00%	9.95%	17.77%	
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	<i>Nợ dài hạn/ Tổng TS</i>	0.10%	0.43%	-0.34%	-77.29%	
Tổng nợ trên tổng tài sản	<i>Nợ phải trả/ Tổng TS</i>	39.74%	35.90%	3.84%	10.71%	

[1] Các hệ số thành toán cơ bản được ổn định, điều này tạo điều kiện thuận lợi trong các kế hoạch tài chính của công ty.

[2] Các hệ số đo lường hiệu quả hoạt động của công ty năm 2020 so với năm 2019 cơ bản tăng, đặc biệt là chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng rất nhiều, điều này cho thấy chu kỳ kinh doanh của công ty được rút ngắn.

[3] Các hệ số khả năng sinh lời của công ty năm 2020 so với năm 2019 giảm nhiều. Nguyên nhân là do doanh thu năm 2020 tăng nhiều so với năm 2019 nhưng tốc độ tăng chi phí cao hơn tốc độ tăng của doanh thu.

[4] Cơ cấu nợ của công ty có xu hướng giảm các khoản nợ dài hạn và tăng các khoản nợ ngắn hạn. Cơ cấu nợ so với vốn chủ sở hữu cũng tăng lên.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cổ phần

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 22.559.030 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 20.619.187 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 1.939.843 cổ phần

4.2. Cơ cấu cổ đông

- Cơ cấu cổ đông:

	Cá nhân	Tổ chức	Ghi chú
Cổ đông nhà nước: Không có cổ đông nhà nước			
Cổ đông trong nước			
Số lượng cổ đông	880	9	Trong đó có 3 cổ đông lớn là: 1. TNHH VBP sở hữu 19,39% cổ phần có quyền biểu quyết 2. TNHH Kế toán và Tư vấn VBP sở hữu 5,53% cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Tập đoàn Bảo Việt, sở hữu 1.987.031 cổ phần, chiếm 9,7%. 4. Ông Võ Văn Mai, sở hữu 1.663.947 cổ phần, chiếm 8,1%.
Số lượng cổ phần sở hữu	10.034.272	7.370.708	
Tỷ lệ nắm giữ (%)	48,7%	35,7%	
Cổ đông nước ngoài			
Số lượng cổ đông	7	2	Trong đó có 1 cổ đông lớn là: 1. Sokol holding Corp, sở hữu 3.150.000 cổ phần, chiếm 15,3%.
Số lượng cổ phần sở hữu	60.707	3.153.400	
Tỷ lệ nắm giữ (%)	2,9%	15,3%	

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá về kết quả hoạt động năm 2020-2021

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu năm 2020-2021 đạt 640,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,4 tỷ đồng.

- Doanh thu niên độ tài chính 2020-2021 tăng so với năm 2019-2020 nhưng lợi nhuận có sự sụt giảm. Nguyên nhân của việc thay đổi trên là do sự cạnh tranh ngày càng lớn trên thị trường dự án công nghệ thông tin khiến cho tỷ lệ lợi nhuận của Công ty nói riêng và của nhóm các doanh nghiệp công nghệ nói chung bị suy giảm. Ngoài ra, Công ty có trích lập dự phòng cho một số dự án có rủi ro.

- Do nhiều vấn đề tồn đọng từ nhiều năm trước để lại và những phát sinh từ đại dịch Covid 19 nên kết quả về lợi nhuận không đạt được theo kế hoạch. Tuy nhiên Công ty đã thực hiện triệt để và nghiêm túc công tác quản trị chi phí, giải quyết nhiều vấn đề tồn đọng nhiều năm trong công ty, góp phần tạo dòng vốn lưu động tốt cho Công ty.

1.2. Hoạt động quản trị doanh nghiệp

Với lịch sử hai mươi lăm năm hình thành và phát triển, HiPT đã gặt hái được những thành công nhất định, khẳng định được vị thế lớn mạnh của mình trên bản đồ CNTT Việt Nam.

Việc ổn định nhân sự cấp cao trong Công ty trong năm vừa qua tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của HiPT. Bên cạnh đó những quyết sách của nhân sự cấp cao nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính hiệu quả, tái cơ cấu mô hình tổ chức cũng đã mang lại hiệu quả kinh doanh và tài chính thiết thực cho HiPT.

IV. TRÍCH LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2020-2021 (tài liệu kèm theo)

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HIPT**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Hải Đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/3/2021

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2021
Ông Võ Văn Mai	Thành viên	
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2021
Ông Phan Như Long	Thành viên	
Ông Vladislavs Savkins	Thành viên	
Ông David Đỗ	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Xuân	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2021

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 01/4/2021
Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2021
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2021
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2021
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 15/4/2021
Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16/6/2020, từ trang 05 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/3/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31/3/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2017-112-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/3/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	01/4/2020 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		479.066.532.199	467.495.127.353
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	163.242.909.723	144.090.969.239
Tiền	111		14.574.062.448	49.522.121.964
Các khoản tương đương tiền	112		148.668.847.275	94.568.847.275
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.125.410.000	193.660.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14	10.125.410.000	193.660.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.347.431.047	180.665.239.919
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	136.910.872.073	99.472.651.669
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	22.277.879.751	26.707.913.566
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng dịch vụ	134	6	34.079.244.428	38.961.123.905
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	10.562.061.681	20.339.309.845
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	8,9	(5.482.626.886)	(4.815.759.066)
Hàng tồn kho	140	10	34.243.995.518	67.685.342.616
Hàng tồn kho	141		56.662.032.069	67.685.342.616
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.418.036.551)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		73.106.785.911	74.859.915.579
Thuế GTGT được khấu trừ	152	16	306.303.288	1.470.268.358
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	800.482.623	1.389.647.221
Tài sản ngắn hạn khác	155	7	72.000.000.000	72.000.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.200.185.775	45.392.069.655
Các khoản phải thu dài hạn	210		56.250.000	124.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	56.250.000	124.500.000
Tài sản cố định	220		273.947.420	15.131.152.827
Tài sản cố định hữu hình	221	11	273.947.420	13.599.840.211
- Nguyên giá	222		18.688.262.380	47.081.315.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.414.314.960)	(33.481.475.689)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	1.531.312.616
- Nguyên giá	228		2.970.972.284	6.897.414.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.970.972.284)	(5.366.102.287)
Bất động sản đầu tư	230	13	15.680.620.000	15.680.620.000
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	15.680.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	11.680.325.931	13.770.912.350
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.115.484.001	1.103.707.429
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		16.862.464.944	18.792.620.011
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.297.623.014)	(6.125.415.090)
Tài sản dài hạn khác	260		509.042.424	684.884.478
Chi phí trả trước dài hạn	261		509.042.424	684.884.478
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		507.266.717.974	512.887.197.008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021	01/4/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		201.772.825.718	184.119.459.715
Nợ ngắn hạn	310		201.272.825.718	181.894.071.245
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	73.093.819.165	47.983.432.261
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.566.249.386	41.954.094.998
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.201.002.973	2.324.894.268
Phải trả người lao động	314		9.071.244.823	5.952.642.989
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.922.524.000	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		789.682.500	1.268.823.780
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	78.428.302.871	82.410.182.949
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		11.200.000.000	-
Nợ dài hạn	330		500.000.000	2.225.388.470
Phải trả dài hạn khác	337	17	500.000.000	1.121.793.738
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	1.103.594.732
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		305.493.892.256	328.767.737.293
Vốn chủ sở hữu	410	18	305.493.892.256	328.767.737.293
Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		116.974.517.100	116.974.517.100
Cổ phiếu quỹ	415		(38.762.556.372)	(38.762.556.372)
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.691.631.528	5.336.485.581
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		222.452.166	3.384.445.392
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.469.179.362	1.952.040.189
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		507.266.717.974	512.887.197.008

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

Người lập



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	640.492.735.082	478.374.076.427
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	124.128.436	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	640.368.606.646	478.374.076.427
Giá vốn hàng bán	11	21	622.513.308.825	416.646.901.049
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.855.297.821	61.727.175.378
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.027.057.809	2.033.160.213
Chi phí tài chính	22	23	2.312.239.437	1.666.323.931
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		160.704.813	355.231.341
Lãi/(Lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	24		11.776.572	3.149.732.036
Chi phí bán hàng	25	24	50.195.503.438	44.857.956.301
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	17.614.283.542	18.662.245.528
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(43.227.894.215)	1.723.541.867
Thu nhập khác	31	26	55.799.322.011	2.607.722.815
Chi phí khác	32	27	419.058.110	46.645.888
Lợi nhuận khác	40		55.380.263.901	2.561.076.927
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.152.369.686	4.284.618.794
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	10.683.190.324	2.332.578.605
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.469.179.362	1.952.040.189
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		1.469.179.362	1.952.040.189
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	71	95

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.152.369.686	4.284.618.794
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		789.113.657	1.928.883.390
Các khoản dự phòng	03		33.353.517.563	1.533.020.925
Lãi lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(235.317.098)	175.345.849
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(57.900.711.613)	(4.723.754.402)
Chi phí lãi vay	06		160.704.813	355.231.341
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.680.322.992)	3.553.345.897
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(16.527.679.280)	7.329.584.793
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		11.023.310.547	151.587.344
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.104.507.014	11.046.349.398
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		175.842.054	131.886.763
Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(160.704.813)	(355.231.341)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.996.167.963)	(56.650.703)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.061.215.433)	21.800.872.151
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.981.500)	(1.547.196.118)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		67.243.764.906	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.001.750.000)	(35.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		70.000.000	50.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.803.160.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.838.250.293	2.932.266.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		65.116.283.699	7.203.230.135

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		29.568.974.253	27.163.887.688
Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.568.974.253)	(27.163.887.688)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.743.024.399)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	40		(24.743.024.399)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.151.192.026	29.004.102.286
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	144.090.969.239	115.081.321.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		748.458	5.545.547
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	163.242.909.723	144.090.969.239

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2021

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100364579 đăng ký lần đầu ngày 29/2/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/4/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 225.590.300.000 đồng chia thành 22.559.030 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Ngày 24/6/2009, Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCoM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/3/2021 là 155 người (tại ngày 31/3/2020 là 161 người).

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty con			
Cấp 1			
- Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) (1)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty CP Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (2)	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%

(1) Đổi tên từ Công ty Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (HIBF);

(2) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty liên kết			
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội (3)	Hà Nội, Việt Nam	25%	71,43%
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	35%	98,04%
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	25%	25%
Công ty liên doanh			
- Thời báo Doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	64,27%

(3) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST.

1.5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2020 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 29/10/2018, Công ty đã có Giấy xác nhận của Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội về việc chuyển đổi năm tài chính từ ngày 01/4 đến ngày 31/3 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

2.3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các Thông tư sửa đổi, bổ sung và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

Các giao dịch và số dư giữa công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT, THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2020.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung phân bổ.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	05
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để bán

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của Công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh;

- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư khác được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của các đơn vị nhận đầu tư và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

3.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm tài chính. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.13 DOANH THU, THU NHẬP KHÁC

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 DOANH THU, THU NHẬP KHÁC (TIẾP)

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thanh lý nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán.

3.14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

3.16 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm.

Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ra "đồng Việt Nam". Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm. Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

3.19 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
Tiền mặt	30.460.821	837.139.406
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.543.601.627	28.684.982.558
Tiền đang chuyển	-	20.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	148.668.847.275	94.568.847.275
	163.242.909.723	144.090.969.239

(*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 01 tháng kể từ thời điểm gửi tiền.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
Công ty CP tập đoàn công nghệ và đầu tư Việt	-	11.871.721.059
Công ty TNHH Thương Mại và Công Nghệ Tân Thành An	-	3.815.468.086
Công ty TNHH ZICO Việt Nam	-	4.682.073.696
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hưng Phát	-	1.503.480.000
Công ty TNHH Công nghệ Đông Ngân	3.414.062.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vương	9.886.239.000	-
Đối tượng khác	8.977.578.751	4.835.170.725
	22.277.879.751	26.707.913.566

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
Cục công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	3.269.987.877
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	34.079.244.428	34.079.244.428
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK)	-	1.265.000.000
Phải thu theo tiến độ hợp đồng khác	-	346.891.600
	34.079.244.428	38.961.123.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Ngân hàng Bảo Việt").

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/3/2021, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty vẫn ghi nhận giá gốc của khoản đầu tư vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" với số tiền 72 tỷ VND và ghi nhận tương ứng số tiền nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" (được trình bày tại Thuyết minh số 17).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	136.910.872.073	(1.436.993.886)	99.472.651.669	(770.126.066)
- Công Ty Cổ phần Điện ảnh Truyền Hình (Vinematim)	-	-	17.039.076.238	-
- Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.497.038.333	-	25.613.825.320	-
- Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy TP HCM	-	-	7.264.931.500	-
- Công ty CP Chứng khoán SSI - CN Hà Nội	-	-	5.633.740.000	-
- Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.141.585.013	-	4.141.585.013	-
- Bộ tư lệnh 86/BQP	3.910.000.000	-	3.910.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	-	-	11.166.786.667	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV)	49.576.200.000	-	440.366.666	-
- Công ty TNHH Bệnh viện ĐKTN An sinh -Phúc Trường Minh	10.169.614.245	-	-	-
- Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)	17.810.410.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông di động Vietnamobile	8.044.246.000	-	-	-
- Các khách hàng khác	38.761.778.482	(1.436.993.886)	24.262.340.265	(770.126.066)
	136.910.872.073	(1.436.993.886)	99.472.651.669	(770.126.066)
Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan	740.774.085	(740.774.085)	740.774.085	(740.774.085)
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	663.440.565	(663.440.565)	663.440.565	(663.440.565)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	77.333.520	(77.333.520)	77.333.520	(77.333.520)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. PHẢI THU KHÁC**

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	10.562.061.681	(4.045.633.000)	20.339.309.845	(4.045.633.000)
- Tạm ứng	1.773.277.897	-	15.808.028.039	(4.045.633.000)
- Ký cược, ký quỹ	3.275.863.461	-	3.627.041.554	-
- Bảo hiểm xã hội	4.054.595	-	7.269.425	-
- Phải thu khác	5.508.865.728	(4.045.633.000)	896.970.827	-
Dài hạn	56.250.000	-	124.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ	56.250.000	-	124.500.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	10.618.311.681	(4.045.633.000)	20.463.809.845	(4.045.633.000)

Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan

- Tạm ứng cho các cá nhân trong HĐQT, BTGD và Kế toán trưởng

10. HÀNG TỒN KHO

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.790.329.036	(22.418.036.551)	46.531.885.017	-
Hàng hóa	14.871.703.033	-	21.153.457.599	-
	56.662.032.069	(22.418.036.551)	67.685.342.616	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/4/2020	18.748.120.749	9.575.516.213	848.270.909	17.909.408.029	47.081.315.900
- Mua trong năm	-	-	-	33.981.500	33.981.500
- Thanh lý, nhượng bán	(18.748.120.749)	(9.415.516.213)	-	(263.398.058)	(28.427.035.020)
31/3/2021	-	160.000.000	848.270.909	17.679.991.471	18.688.262.380
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/4/2020	9.738.021.795	5.358.854.499	493.399.511	17.891.199.884	33.481.475.689
- Khấu hao trong năm	287.861.885	313.674.590	106.033.864	27.079.759	734.650.098
- Thanh lý, nhượng bán	(10.025.883.680)	(5.512.529.089)	-	(263.398.058)	(15.801.810.827)
31/3/2021	-	160.000.000	599.433.375	17.654.881.585	18.414.314.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/4/2020	9.010.098.954	4.216.661.714	354.871.398	18.208.145	13.599.840.211
31/3/2021	-	-	248.837.534	25.109.886	273.947.420

Tại ngày 31/3/2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 17.610.994.332 đồng (tại ngày 31/3/2020 là 21.946.539.024 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/4/2020	3.926.442.619	2.970.972.284	6.897.414.903
- Thanh lý, nhượng bán	(3.926.442.619)	-	(3.926.442.619)
31/3/2021	-	2.970.972.284	2.970.972.284
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/4/2020	2.395.130.003	2.970.972.284	5.366.102.287
- Khấu hao trong năm	54.463.559	-	54.463.559
- Thanh lý, nhượng bán	(2.449.593.562)	-	(2.449.593.562)
31/3/2021	-	2.970.972.284	2.970.972.284
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/4/2020	1.531.312.616	-	1.531.312.616
31/3/2021	-	-	-

Tại ngày 31/3/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.970.972.284 đồng (tại ngày 31/3/2020 là 2.970.972.284 đồng).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu năm <u>VND</u>	Tăng trong năm <u>VND</u>	Giảm trong năm <u>VND</u>	Số cuối năm <u>VND</u>
Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá				
NGUYÊN GIÁ	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

14.1 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.125.410.000	10.125.410.000	193.660.000	193.660.000

Là các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm với lãi suất 6,05%/năm – 6,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)
- 14.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng
- Thời báo Doanh nhân

	31/3/2021	01/4/2020
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	2.500.000.000	2.500.000.000
	2.500.000.000	2.500.000.000
	800.000.000	800.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000
	7.800.000.000	7.800.000.000
	1.115.484.001	1.103.707.429
	1.115.484.001	1.103.707.429

31/3/2021

01/4/2020

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
	7.764.044.944	(6.297.623.014)	(6.297.623.014)	7.764.044.944	(6.125.415.090)	(6.125.415.090)
	9.098.420.000	-	-	11.028.575.067	-	-
	16.862.464.944	(6.297.623.014)	(6.297.623.014)	18.792.620.011	(6.125.415.090)	(6.125.415.090)

Đơn vị khác (*)

- Công ty CP Dịch vụ nền di động Việt Nam
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không

(*) Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá giao dịch trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****14.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)**

Số đầu năm

Trích lập dự phòng bổ sung

Số cuối năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
	(6.125.415.090)	(5.158.511.872)
	(172.207.924)	(966.903.218)
	(6.297.623.014)	(6.125.415.090)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Giải pháp Công nghệ SAVIS Việt Nam	473.490.000	473.490.000	1.400.600.000	1.400.600.000
- Công ty CP Phân phối Việt Nét	457.637.128	457.637.128	1.539.957.590	1.539.957.590
- Công ty CP Công nghệ Elite	2.643.269.719	2.643.269.719	13.046.635.717	13.046.635.717
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Phát Triển Công nghệ Việt	5.107.843.663	5.107.843.663	1.433.298.057	1.433.298.057
- Flextron Pte.Ltd	-	-	3.258.724.451	3.258.724.451
- Công ty TNHH ZICO Việt Nam	3.675.400.000	3.675.400.000	3.675.400.000	3.675.400.000
- Golden Hawk Information Technology Limited	18.219.661.646	18.219.661.646	1.819.454.000	1.819.454.000
- BTG Asia Co., Limited	3.675.400.000	3.675.400.000	6.506.618.300	6.506.618.300
- Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và giải pháp CMC	5.040.000.000	5.040.000.000	-	-
- Công ty TNHH công nghệ VETAMI	8.042.309.550	8.042.309.550	-	-
- Đối tượng khác	25.758.807.459	25.758.807.459	15.302.744.146	15.302.744.146
	73.093.819.165	73.093.819.165	47.983.432.261	47.983.432.261

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/4/2020	Số được khấu trừ trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	31/3/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.470.268.358	44.521.425.300	45.685.130.370	306.563.288
	01/4/2020	Số nợ thừa trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	31/3/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu	1.389.647.221	97.921.865	687.086.463	800.482.623
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nợ thừa	582.695.127	-	-	582.695.127
- Thuế thu nhập cá nhân nợ thừa	806.952.094	97.921.865	687.086.463	217.787.496
	01/4/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/3/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	2.324.894.268	26.632.047.157	25.755.938.452	3.201.002.973
- Thuế giá trị gia tăng	-	9.392.306.640	6.403.239.205	2.989.067.435
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.052.276.156	9.052.276.156	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	30.276.196	30.276.196	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.323.144.716	10.683.190.324	12.996.167.963	10.167.077
- Thuế thu nhập cá nhân	1.749.552	2.544.247.765	2.344.228.856	201.768.461
- Các loại thuế khác	-	3.982.026.232	3.982.026.232	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	78.428.302.871	82.410.182.949
- Tạm ứng từ các cá nhân	-	2.504.013.001
- Tạm ứng liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh số 7)	72.000.000.000	72.000.000.000
- Khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112	2.656.280.900	2.656.280.900
- Phải trả cổ tức	454.283.175	327.829.575
- Kinh phí công đoàn	456.174.698	317.758.598
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.861.564.098	4.604.300.875
Dài hạn	500.000.000	1.121.793.738
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	621.793.738
- Các cá nhân ủy thác đầu tư	500.000.000	500.000.000
	<u>78.928.302.871</u>	<u>83.531.976.687</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/4/2019	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	3.384.445.392	-	326.815.697.104
- Lãi trong năm	-	-	-	-	1.952.040.189	-	1.952.040.189
31/3/2020	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	5.336.485.581	-	328.767.737.293
01/4/2020	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	5.336.485.581	-	328.767.737.293
- Lãi trong năm	-	-	-	-	1.469.179.362	-	1.469.179.362
- Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	-	-	-	(19.628.990.984)	19.628.990.984	-	-
- Tạm ứng cổ tức (*)	-	-	-	-	(24.743.024.399)	-	(24.743.024.399)
31/3/2021	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	-	1.691.631.528	-	305.493.892.256

(*) Theo Nghị quyết số 01-20/NQ/ĐHĐCĐ/HIPT ngày 19/09/2020 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện chuyển toàn bộ số dư của Quỹ đầu tư phát triển trên Báo cáo tài chính về Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Đồng thời, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức cho năm tài chính 2020 -2021. Tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 12%/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	225.590.300.000	225.590.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.743.024.399	-

18.3 CỔ PHIẾU

	31/3/2021 CP	01/4/2020 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.939.843	1.939.843
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.939.843	1.939.843
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.619.187	20.619.187
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.619.187	20.619.187
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/3/2021	01/4/2020
Ngoại tệ các loại		
- Ngoại tệ USD	14.211,97	18.296,66
- Ngoại tệ EUR	2.747,79	637,63

Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/3/2021 VND	01/4/2020 VND
Phải thu Công ty Cho thuê tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.726.000	221.726.000
Phải thu ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	Không còn giao dịch	2015	20.991.178.683	20.991.178.683
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch	2016	1.310.284.298	1.310.284.298
			22.759.397.641	22.759.397.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu	640.492.735.082	478.374.076.427
- Doanh thu bán hàng hóa phần cứng	417.002.912.291	281.786.069.866
- Doanh thu cung cấp phần mềm, chương trình	143.544.719.815	146.719.519.734
- Doanh thu cho thuê văn phòng	922.336.445	3.904.688.747
- Doanh thu dịch vụ khác	79.022.766.531	45.963.798.080
Các khoản giảm trừ doanh thu	(124.128.436)	-
- Giảm giá hàng bán	(124.128.436)	-
Doanh thu thuần	640.368.606.646	478.374.076.427

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa	386.681.650.753	249.802.020.649
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	213.413.621.521	166.844.880.400
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	22.418.036.551	-
	622.513.308.825	416.646.901.049

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	7.213.475.215	1.574.022.367
- Cổ tức được chia	624.775.078	-
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	953.490.418	459.137.846
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	235.317.098	-
	9.027.057.809	2.033.160.213

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	160.704.813	355.231.341
- Chênh lệch tỷ giá	49.044.970	344.177.268
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	172.207.924	966.903.218
- Chi phí tài chính khác	1.930.281.730	12.104
	2.312.239.437	1.666.323.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	36.530.329.409	31.299.656.070
- Chi phí dự phòng bảo hành	-	419.683.304
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.512.486	69.900.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.078.661.615	5.065.547.408
- Chi phí khác	9.570.999.928	8.003.169.519
	<u>50.195.503.438</u>	<u>44.857.956.301</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên quản lý	8.729.203.637	9.719.098.135
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	666.867.820	485.597.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	773.601.171	1.858.983.391
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.207.916.164	3.973.967.493
- Chi phí khác	2.236.694.750	2.624.599.509
	<u>17.614.283.542</u>	<u>18.662.245.528</u>

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền thưởng, bồi thường từ đối tác	2.879.704.464	2.365.206.853
- Thu từ thanh lý hàng hóa	-	15.500.000
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	51.980.839.815	-
- Thu nhập khác	938.777.732	227.015.962
	<u>55.799.322.011</u>	<u>2.607.722.815</u>

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản phạt thuế	3.627.621	4.216.243
- Chi phí phạt do vi phạm hợp đồng	415.361.149	32.821.103
- Chi phí khác	69.340	9.608.542
	<u>419.058.110</u>	<u>46.645.888</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.152.369.686	4.284.618.794
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.430.473.937	856.923.759
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	786.257.612	(1.599.624.066)
Thuế TNDN tương ứng với khoản chi phí không được trừ khi tính thuế	8.369.559.204	1.871.066.261
Thuế ứng với phần thu nhập không bị tính thuế	(125.104.707)	(272.757.887)
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế	909.757	1.466.482.574
Nộp thuế phạt TNDN do hóa đơn vi phạm	-	20.506.527
Thuế ứng với khoản lỗ lũy kế được chuyển sang	(778.905.479)	(10.018.564)
	10.683.190.324	2.332.578.605

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	50.120.179.243	50.435.369.037
Dự phòng	35.352.186.362	546.165.022
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	350.964.197.476	273.348.737.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	789.113.657	1.928.883.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.388.691.310	139.825.052.908
Chi phí khác	29.277.993.720	14.918.632.921
	689.892.361.768	481.002.841.243

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	1.469.179.362	1.952.040.189
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.469.179.362	1.952.040.189
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm (CP)	20.619.187	20.619.187
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	71	95

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số cổ phiếu đầu năm	20.619.187	20.619.187
- Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	22.559.030
- Cổ phiếu quỹ	(1.939.843)	(1.939.843)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	20.619.187	20.619.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	624.775.078	1.358.243.886

Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc	1.174.360.000	702.094.546
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	1.104.360.000	1.157.360.000
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	1.109.360.000	967.360.000
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	645.860.000	579.860.000
Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	556.360.000	574.360.000
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc từ T5/2019 đến 5/1/2020	-	874.833.636
		4.590.300.000	4.855.868.182

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị		276.000.000	258.000.000
Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Võ Văn Mai	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên	36.000.000	27.000.000
Ông Phan Như Long	Thành viên	36.000.000	27.000.000
Ông Vladislavs Savkins	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông David Đỗ	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ban kiểm soát		60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân	Trưởng ban	36.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	12.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban đến T9/2019	-	9.000.000
Bà Vũ Thị Việt Hà	Thành viên đến T9/2019	-	3.000.000
		336.000.000	318.000.000

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 8 “Phải thu khách hàng”;
- Thuyết minh số 9 “Phải thu khác”;
- Thuyết minh số 14 “Các khoản đầu tư tài chính”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2020 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

